

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 601/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thành Đức

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng.
- Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2136/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 601/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà MTTT, sinh năm 1980;

Cư trú: 22/49/5 Đường số 22, khu phố 4, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông DNH, sinh năm 1974;

Cư trú: 22/49/5 Đường số 22, khu phố 4, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà MTTT trình bày:

Bà MTTT và ông DNH đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011, giấy chứng nhận kết hôn số 115-2011, quyển số 01-2011 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống thì ông H thường xuyên ngoại tình, mặc dù bà T đã nhiều lần tạo cơ hội để ông H quay về với gia đình nhưng ông H vẫn không chung thủy. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh

chấp, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên DMA, sinh ngày 26/6/2012 và DTD, sinh ngày 06/5/2015, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: bà T xác định không có.

Tại bản tự khai bị đơn ông DNH trình bày: ông DNH và bà MTTT và đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011, giấy chứng nhận kết hôn số 115-2011, quyển số 01-2011 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng ly thân đã 02 năm, ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H đồng ý để bà T được nuôi 02 con chung tên DMA, sinh ngày 26/6/2012 và DTD, sinh ngày 06/5/2015, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà MTTT, bị đơn ông DNH đều có đơn xin xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà MTTT được ly hôn với ông DNH, giao 02 con chung tên DMA, sinh ngày 26/6/2012 và DTD, sinh ngày 06/5/2015 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà MTTT khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông DNH, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông DNH có địa chỉ cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà MTTT, bị đơn ông DNH đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn mở phiên tòa theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung: Bà MTTT và ông DNH đăng ký kết hôn ngày 21/12/2011, giấy chứng nhận kết hôn số 115-2011, quyển số 01-2011 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T trình bày ông H thường xuyên ngoại tình, mặc dù bà T đã nhiều lần tạo cơ hội để ông H quay về với gia đình nhưng ông H vẫn không chung thủy. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Ông H cũng thừa nhận hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên DMA, sinh ngày 26/6/2012 và DTD, sinh ngày 06/5/2015 và ông H cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông H xác định không có.

Từ những nhận định trên thì trình bày của bị kiện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là có cơ sở và phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà MTTT phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0005018, ngày 26/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà MTTT.

Về quan hệ hôn nhân: Bà MTTT được ly hôn với ông DNH.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115-2011, quyển số 01-2011 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2011 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 con chung tên DMA, sinh ngày 26/6/2012 và DTD, sinh ngày 06/5/2015 cho bà MTTT trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông H xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà MTTT phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0005018, ngày 26/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp xong án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4;
- Lưu HS;
- Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thành Đức